

Bản án số: 125/2021/HS-ST
Ngày 29/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư- Cán bộ nghỉ hưu.
2. Ông Nông Văn Thịnh- Cán bộ nghỉ hưu,

Thư ký Tòa án ghi B bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 106 /2021/TLST-HS ngày 10/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Như N, sinh ngày 14/8/1980** tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm Đ 1, xã Y1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 7/12

Con ông: Hoàng Văn T- đã chết; Con bà: Bùi Thị T- 1961. Vợ: Chưa có.

Tiền án: Không. Tiền sự: Năm 2019 bị TAND huyện P áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hoàng Như N thời hạn là 18 tháng.

Nhân thân: + Năm 2007 và 2011, UBND huyện P có QĐ cai nghiện bắt buộc.

+ Tại bản án số 34/2016/HSST ngày 06/5/2016 của TAND huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Hoàng Như N 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hoàng Ngọc C, sinh ngày 23/6/2000** tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 10/12

Con ông: Hoàng Văn V- 1962; Con bà: Lưu Thị P- 1970. Vợ: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2019 bị TAND huyện P áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hoàng Ngọc C thời hạn là 18 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ma Văn H- 1967

Trú tại: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

2. Trần Văn T- 1971. (Có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên,

- Người có quyền lợi liên quan:

1. Phạm Văn T- 1993

Trú tại: Xóm B, xã Y1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

2.Vũ Thị B- 1987

Trú tại: Xóm Đ 1, xã Y1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 11/8/2021, Hoàng Như N rủ Hoàng Ngọc C đi trộm cắp và được C đồng ý. C lấy xe mô tô BKS 20AD014.12 chở N đi vào xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi đến xóm K, xã Y thấy gia đình anh Ma Văn H không có người ai ở nhà, C điều khiển xe mô tô vào nhà anh H. Thấy có chiếc máy cắt cỏ hiệu HONDA dựng ở chân cầu thang, N đã xuống xe để lấy chiếc máy đó. Lúc này cháu Ma Văn T nhìn thấy N lấy máy đã nói “Không được lấy”. N nói mang máy đi cắt cỏ cho bố rồi bê máy ra chỗ C đang đợi chở máy về nhà N. Khi về nhà N tháo lưỡi dao cắt cỏ và chốt hãm cắt tại kho chứa thóc nhà mình rồi đem máy cắt cỏ đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Phạm Văn T ở xóm B, xã Y1 bán được 50.000 đồng.

Quá trình điều tra Hoàng Như N còn khai nhận ngày 08/8/2021 một mình N đi xe máy đến nhà anh Trần Văn T ở xóm Kh, xã Y thấy nhà anh T không có

ai ở nhà. N đã vào nhà anh T trộm cắp 02 máy cắt cỏ hiệu KAWASAKY- TG18 và TG20 đem về nhà cất giấu. Sau đó N đem bán chiếc máy KAWASAKY- TG 20 cho chị Vũ Thị B ở xóm Đ 1, xã Y1 lấy 500.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 03 chiếc máy cắt cỏ do N và C trộm cắp trả cho bị hại.

Tại kết luận định giá số 53/KL- HĐĐGTS kết luận giá trị còn lại của máy cắt cỏ hiệu HONDA- GCALT 2428889 là 2.300.000 đồng. Máy cắt cỏ hiệu KAWASAKY- TG 18 là 300.000 đồng. Máy cắt cỏ hiệu KAWASAKY- TG 20 là 1.260.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 103/CT-VKSPL ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Như N và Hoàng Ngọc C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện P giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo N mức án tù 18 đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS, xử phạt bị cáo C mức án tù 12-15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Bị hại không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo N khai: Chiều ngày 11/8/2021 bị cáo rủ Hoàng Ngọc C đi trộm cắp tài sản. C đồng ý và lấy xe máy BKS 20AD-014.12 chở bị cáo vào xã Y. Khi đến nhà anh Ma Văn H ở xóm K thấy gia đình anh H không có ai ở nhà, C đã điều khiển xe vào nhà anh H. Thấy chiếc máy cắt cỏ để ở chân cầu thang nhà sàn bị cáo đã lấy chiếc máy cắt cỏ đó. Sau đó cả hai về nhà bị cáo. Sau đó bị cáo đem bán chiếc máy cắt cỏ cho anh T lấy 50.000 đồng. Số tiền trên bị cáo đi mua

ma túy về cùng C sử dụng. Ngoài ra ngày 08/8/2021 một mình bị cáo trộm 02 chiếc máy cắt cỏ của gia đình anh T 01 chiếc máy cắt cỏ đó bị cáo bán cho chị B với giá 500.000 đồng.

Bị cáo C khai: Chiều ngày 11/8/2021 Hoàng Như N đến bị cáo đi trộm cắp tài sản. Bị cáo lấy xe mô tô BKS 20AD-014.12 chở N đi vào xã Y. Khi đến nhà bị anh H thấy không có ai ở nhà, bị cáo đi thẳng vào nhà anh H. Thấy chiếc máy cắt cỏ để ở cầu thang nhà sàn N đã lấy. Sau đó đem về nhà N. N đem bán chiếc máy cắt cỏ đó lấy tiền mua ma túy về sử dụng.

- Lời khai của bị hại là anh Ma Văn H và anh Trần Văn T.
- Lời khai người có quyền lợi liên quan.
- Kết luận định giá.

Như vậy Hoàng Như N và Hoàng Ngọc C có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi lén lút trộm cắp 01 máy cắt cỏ của anh Ma Văn H với giá trị tài sản là 2.300.000 đồng vào ngày 11/8/2021 và hành vi lén lút trộm 02 máy cắt cỏ của Hoàng Như N vào ngày 08/8/2021 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại Điều 173 của BLHS quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà Điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là Ma Văn H và anh Trần Văn T. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy cả hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy các bị cáo C được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo N được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy bị cáo có một nhân thân xấu. Các bị cáo không chịu tu dưỡng mắc vào tệ nạn xã hội dẫn đến con đường phạm tội.

{5}. Trong vụ án này bị cáo N là người rủ rê N bị cáo phải chịu trách nhiệm chính.

{6}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần xử bị cáo N mức án từ 18 đến 24 tháng tù, bị cáo C mức án từ 12 đến 15 tháng tù như đề nghị của VKS là phù hợp.

{7}. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra bị hại và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bồi thường N HDXX không xem xét.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này anh T và chị B là người mua tài sản do N bán. Tuy nhiên khi mua bán mọi người đều không biết tài sản đó do phạm tội mà có, nên hành vi đó không vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; (Điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo C); 38 của BLHS, Điều 136, 329 của BLTTHS; NQ 326 của UBTWQH.

Tuyên bố: Hoàng Như N, Hoàng Ngọc C phạm tội; “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

1. Hoàng Như N: 18(Mười tám) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt 17/9/2021. Tạm giam bị cáo N 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

2. Hoàng Ngọc C: 12(Mười hai) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt 17/9/2021. Tạm giam bị cáo C 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

*** Về án phí:** Buộc bị cáo N, C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện P (3b);
- VKSND huyện P (1b);

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. P (1b);
- THAHS (03b);
- Bị cáo (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

Lương Đức Long

